

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG TÈ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08 /NQ-HĐND

Mường Tè, ngày 29 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022
thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công, ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu: Số 13/2022/NQ-HĐND, ngày 28/6/2022 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; số 14/2022/NQ-HĐND, ngày 28/6/2022 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; số 16/2022/NQ-HĐND, ngày 28/6/2022 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 747/QĐ-UBND, ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 1659/TT-UBND, ngày 16/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Mường Tè và Báo cáo tham tra số 114/BC-HĐND, ngày 18/8/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến tham gia của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Mường Tè, với tổng số vốn: **234.604 triệu đồng** (bao gồm 77.551 triệu đồng vốn sự nghiệp; 157.053 triệu đồng vốn đầu tư), cho từng chương trình như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 135.518 triệu đồng (bao gồm 67.340 triệu đồng vốn sự nghiệp; 68.178 triệu đồng vốn đầu tư).
2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 78.099 triệu đồng (bao gồm 8.996 triệu đồng vốn sự nghiệp; 69.103 triệu đồng vốn đầu tư).
3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 20.987 triệu đồng (bao gồm 1.215 triệu đồng vốn sự nghiệp; 19.772 triệu đồng vốn đầu tư).

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Ủy ban nhân dân huyện

- Giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 cho các cơ quan, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

- Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn khẩn trương triển khai các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng pháp luật, đúng mục đích, đạt hiệu quả cao. Tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng mức vốn đã được giao từ ngân sách trung ương.

2. Đối với các nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2022 chưa phân bổ chi tiết, giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện thông nhất phân bổ chi tiết từng nội dung, danh mục dự án theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện sau khi đủ điều kiện và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Mường Tè khóa XXI, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 22 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQ VN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Thường trực HĐND; UBND các xã, thị trấn;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT.

(B/c)

CHỦ TỊCH**Vàng Văn Thắng**



PHỤ LỤC I
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN
03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA - HUYỆN MUƠNG TÈ
(Kèm theo Nghị quyết số: *08* /NQ-HĐND, ngày *22* tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	03 Chương trình MTQG			Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số & MN			Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			Chương trình MTQG nông thôn mới năm 2021, 2022			Ghi chú
		Tổng số	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Tổng số	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Tổng số	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>		<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>17</i>	<i>18</i>	<i>19</i>
	Tổng cộng	234.604	77.551	157.053	135.518	67.340	68.178	78.099	8.996	69.103	20.987	1.215	19.772	
1	Kế hoạch vốn phân bổ kỳ này	124.547	34.121	90.426	67.728	23.910	43.818	54.804	8.996	45.808	2.015	1.215	800	
2	Kế hoạch vốn còn lại chưa phân bổ	110.057	43.430	66.627	67.790	43.430	24.360	23.295	-	23.295	18.972	-	18.972	

PHỤ LỤC II
BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ KẾ HOẠCH NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔCQ PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI- HUYỆN MUỜNG TÈ

(Kèm theo Nghị quyết số: 08 /NQ-HĐND, ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án, tiểu dự án/Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	135.518	
I	Dự án 1	4.677	
1	Vốn đầu tư	4.433	Phụ lục II.2.1
	Vốn phân bổ chi tiết	4.433	
2	Vốn sự nghiệp	244	Phụ lục II.1
	Vốn phân bổ chi tiết	244	
II	Dự án 2	3.654	
1	Vốn đầu tư	3.654	Phụ lục II.2.2
	Vốn phân bổ chi tiết	3.654	
	Vốn chưa phân bổ chi tiết		
2	Vốn sự nghiệp	-	
III	Dự án 3	54.798	
III.1	Tiểu dự án 1	47.556	
1	Vốn đầu tư		
2	Vốn sự nghiệp	47.556	Phụ lục II.1
	Vốn phân bổ chi tiết	4.126	
	Vốn chưa phân bổ chi tiết	43.430	Phân bổ chi tiết sau
III.2	Tiểu dự án 2	7.242	Phụ lục II.1
-	Nội dung số 01 + 03	1.056	
1	Vốn đầu tư	-	
2	Vốn sự nghiệp	1.056	Phụ lục II.1
	Vốn phân bổ chi tiết	1.056	
-	Nội dung số 02	6.186	
1	Vốn đầu tư	1.813	Phân bổ chi tiết sau
2	Vốn sự nghiệp	4.373	Phụ lục II.1
	Vốn phân bổ chi tiết	4.373	
IV	Dự án 4	36.946	
1	Vốn đầu tư	35.703	Phụ lục II.2.3
	Vốn phân bổ chi tiết	23.503	
	Vốn chưa phân bổ chi tiết	12.200	Phân bổ chi tiết sau
2	Vốn sự nghiệp	1.243	Phụ lục II.1
	Vốn phân bổ chi tiết	1.243	
V	Dự án 5	6.787	
V.1	Tiểu dự án 1	4.323	
1	Vốn đầu tư	3.642	
	Vốn phân bổ chi tiết	3.642	Phụ lục II.2.4
	Vốn chưa phân bổ chi tiết	-	
2	Vốn sự nghiệp	681	Phụ lục II.1
	Vốn phân bổ chi tiết	681	



STT	Dự án. Tên dự án/Đầu tư thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
	Vốn chưa phân bổ chi tiết	-	
V.2	Tiểu dự án 2	327	
-	<i>Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc</i>	327	
1	Vốn đầu tư		
2	Vốn sự nghiệp	327	Phụ lục II.1
	Vốn phân bổ chi tiết	327	
-	<i>Nội dung 2: Đào tạo dự bị đại học, đại học sau đại học</i>	-	
1	Vốn đầu tư		
2	Vốn sự nghiệp		
V.3	Tiểu dự án 3	2.137	
1	Vốn đầu tư		
2	Vốn sự nghiệp	2.137	Phụ lục II.1
	Vốn phân bổ chi tiết	2.137	
VI	Dự án 6	3.463	
1	Vốn đầu tư	2.867	Phân bổ chi tiết sau
2	Vốn sự nghiệp	596	Phụ lục II.1
	Vốn phân bổ chi tiết	596	
VII	Dự án 7	-	
1	Vốn đầu tư		
2	Vốn sự nghiệp		
VIII	Dự án 8	999	
1	Vốn đầu tư	-	
2	Vốn sự nghiệp	999	Phụ lục II.1
	Vốn phân bổ chi tiết	999	
IX	Dự án 9	23.979	
IX.1	Tiểu dự án 1	23.877	
1	Vốn đầu tư	16.066	Phụ lục II.2.5
	Vốn phân bổ chi tiết	8.586	
	Vốn chưa phân bổ chi tiết	7.480	Phân bổ chi tiết sau
2	Vốn sự nghiệp	7.811	Phụ lục II.1
	Vốn phân bổ chi tiết	7.811	
IX.2	Tiểu dự án 2	102	
1	Vốn đầu tư	-	
2	Vốn sự nghiệp	102	Phụ lục II.1
	Vốn phân bổ chi tiết	102	
X	Dự án 10	215	
X.1	Tiểu dự án 1	145	
1	Vốn đầu tư		
2	Vốn sự nghiệp	145	Phụ lục II.1
	Vốn phân bổ chi tiết	145	
X.2	Tiểu dự án 2	-	
1	Vốn đầu tư		
2	Vốn sự nghiệp		
X.3	Tiểu dự án 3	70	
1	Vốn đầu tư		



STT	Dự án, tiểu dự án/Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
2	Vốn sự nghiệp	70	Phụ lục II.1
	Vốn phân bổ chi tiết	70	

PHỤ LỤC II.1

BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 18/NQ-HĐND, ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án, tiểu dự án/Đơn vị thực hiện	Địa điểm đầu tư	Quy mô	Kinh phí phân bổ năm 2022	Đơn vị thực hiện (Chủ đầu tư)
TỔNG CỘNG					
				67.340	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			244	
1	<i>Nội dung 4: Hỗ trợ chuyển đổi nghề</i>			214	
-	Hỗ trợ mua sắm máy móc, nông cụ cho người dân	Các xã gồm: Thu Lũm, Pa Ủ; Tá Bạ; Pa Vệ Sủ	21 hộ	214	Phòng Dân tộc
2	<i>Nội dung 5: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán</i>			30	
-	Hỗ trợ mua téc, lu đựng nước cho người dân	Xã Tá Tổng	10 hộ	30	Phòng Dân tộc
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị			52.985	
1	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</i>			47.556	
-	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ	Tại các xã		4.126	BQL Rừng Phòng hộ huyện
-	Kinh phí còn lại chưa phân bổ			43.430	
2	<i>Tiểu dự án 2: HTPTSX theo chuỗi giá trị, vùng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>			5.429	
a	Nội dung 01+ 03 (Hỗ trợ PTSX theo chuỗi giá trị và Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTSMN)			1.056	
-	Hỗ trợ chăn nuôi gia súc	Thị Trấn		156	UBND Thị Trấn
-	Hỗ trợ chăn nuôi gia súc	Xã Ka Lăng, Mù Cạ		900	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp
b	Nội dung 02 (Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý)			4.373	
-	Dược liệu	Xã Pa Vệ Sủ		4.373	Phòng Nông Nghiệp & PTNT
III	Dự án 4 (Tiểu dự án 1): Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			1.243	
	<i>Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn</i>				
	Xã Mù Cà	xã Mù Cà		249	UBND xã Mù Cà
	Xã Tá Bạ	xã Tá Bạ		249	UBND xã Tá Bạ
	Xã Ka Lăng	xã Ka Lăng		249	UBND xã Ka Lăng
	Xã Pa Vệ Sủ	xã Pa Vệ Sủ		248	UBND xã Pa Vệ Sủ
	Xã Tá Tổng	xã Tá Tổng		248	UBND xã Tá Tổng
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			3.145	
1	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i>			681	



STT	Dự án, tiểu dự án/Đơn vị thực hiện	Địa điểm đầu tư	Quy mô	Kinh phí phân bổ năm 2022	Đơn vị thực hiện (Chủ đầu tư)
-	Xoá mù chữ cho người dân thuộc đồng bào dân tộc thiểu số	Tại các xã	Mở các lớp xóa mù chữ	681	Phòng Giáo dục & ĐT
2	<i>Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>			327	
	<i>Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc</i>			327	
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Lớp	327	Phòng Nội Vụ
3	<i>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi</i>			2.137	
-	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Tại các xã	10 lớp	897	Trung tâm GDNN-GDTX
-	Sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt cho người học	Thị trấn	Sửa chữa	1.240	Trung tâm GDNN-GDTX
V	Dự án 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			596	
1	<i>Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>			260	
	Xã Ka Lăng	Bản Mé Gióng, bản Ka Lăng	02 đội	40	UBND xã Ka Lăng
	Xã Thu Lũm	Bản Thu Lũm 2	01 đội	20	UBND xã Thu Lũm
	Xã Tá Bạ	Bản Tá Bạ	01 đội	20	UBND xã Tá Bạ
	Xã Mường Tè	Bản Pác Ma	01 đội	20	UBND xã Mường Tè
	Xã Tà Tổng	Bản Tà Tổng	01 đội	20	UBND xã Tà Tổng
	Xã Bum Tờ	Bản Nậm Cầu	01 đội	20	UBND xã Bum Tờ
	Xã Can Hồ	Bản Nậm Hạ	01 đội	20	UBND xã Can Hồ
	Xã Mù Cà	Bản Mù cà	01 đội	20	UBND xã Mù Cà
	Xã Vàng San	Bản Nà Pháy	01 đội	20	UBND xã Vàng San
	Xã Pa Ủ	Bản Thâm Pa	01 đội	20	UBND xã Pa Ủ
	Xã Pa Vệ Sù	Bản Phí Chi A	01 đội	20	UBND xã Pa Vệ Sù
	Xã Nậm Khao	Bản Huổi Tát	01 đội	20	UBND xã Nậm Khao
2	<i>Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hoá dân gian tại các thôn, bản đồng bào DTTS và miền núi, vùng di dân tái định cư</i>			86	
-	Câu lạc bộ dân ca dân vũ dân tộc Hà Nhì, xã Ka Lăng	Xã Ka Lăng	1 câu lạc bộ	86	Phòng Văn hoá - TT
3	Cấp trang thiết bị cho nhà văn hóa cộng đồng			150	Phòng Văn hoá - TT
-	Xã Pa Vệ Sù	Bản Phí Chi A	01 bộ	30	
-	Xã Tá Bạ	Bản Ló Mé Lê Giảng	01 bộ	30	
-	Xã Thu Lũm	Bản Gò Khả	01 bộ	30	
-	Xã Mù cà	Bản Gò Cứ	01 bộ	30	
-	Xã Tà Tổng	Bản Nậm Dính	01 bộ	30	
4	Tổ chức hoạt động thi đấu Thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số		1 hoạt động	100	Trung tâm VH, TT và Truyền thông
VI	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em			999	
1	Cấp huyện			225	

STT	Dự án, tiểu dự án/Đơn vị thực hiện	Địa điểm đầu tư	Quy mô	Kinh phí phân bổ năm 2022	Đơn vị thực hiện (Chủ đầu tư)
-	Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chính sách	Tại các xã, thị trấn		40	Phòng Lao động TB &XH
-	Hoạt động truyền thông; xây dựng và nhân rộng các mô hình, đảm bảo quyền của Phụ nữ và trẻ em; trang bị kiến thức về bình đẳng giới	Tại các xã, thị trấn		185	Hội Liên hiệp Phụ Nữ
2	Cấp xã			774	
-	Hoạt động truyền thông; xây dựng và nhân rộng các mô hình, đảm bảo quyền của Phụ nữ và trẻ em; trang bị kiến thức về bình đẳng giới)	Các bản thuộc các xã		774	
+	Xã Ka Lăng	Các bản thuộc xã Ka Lăng		70	UBND xã Ka Lăng
+	Xã Mù Cà	Các bản thuộc xã Mù Cà		70	UBND xã Mù Cà
+	Xã Tá Bạ	Các bản thuộc xã Tá Bạ		70	UBND xã Tá Bạ
+	Xã Pa Ủ	Các bản thuộc xã Pa Ủ		70	UBND xã Pa Ủ
+	Xã Pa Vệ Sủ	Các bản thuộc xã Pa Vệ Sủ		70	UBND xã Pa Vệ Sủ
+	Xã Nậm Khao	Các bản thuộc xã Nậm Khao		64	UBND xã Nậm Khao
+	Xã Tà Tổng	Các bản thuộc xã Tà Tổng		64	UBND xã Tà Tổng
+	Xã Bum Tờ	Các bản thuộc xã Bum Tờ		64	UBND xã Bum Tờ
+	Xã Can Hồ	Các bản thuộc xã Can Hồ		64	UBND xã Can Hồ
+	Xã Vàng San	Các bản thuộc xã Vàng San		64	UBND xã Vàng San
+	Xã Thu Lũm	4 bản thuộc xã Thu Lũm		52	UBND xã Thu Lũm
+	Xã Mường Tè	Bản Pắc Ma, xã Mường Tè		13	UBND xã Mường Tè
+	Xã Bum Nưa	Bản Nậm Cùm, xã Bum Nưa		13	UBND xã Bum Nưa
+	Thị trấn	Khu phố 9, 11 - Thị trấn		26	UBND Thị trấn
VII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn			7.913	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù			7.811	
1.1	Nội dung 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế			3.905	
	Dự án hỗ trợ phát triển chăn nuôi gia súc			3.905	
-	Xã Can Hồ			1.140	UBND Xã Kan Hồ
-	Xã Vàng San			1.240	UBND Xã Vàng San
-	Xã Pa Vệ Sủ			200	UBND xã Pa Vệ Sủ
-	Xã Bum Nưa			305	UBND xã Bum Nưa
-	Xã Nậm Khao			1.020	UBND Xã Nậm Khao
1.2	Nội dung 3: Hỗ trợ bảo tồn phát huy giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc, thông tin và truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào			1.796	
a	Cấp trang thiết bị cho nhà văn hóa cộng đồng		9 bản	270	Phòng Văn hoá -TT
-	Trang thiết bị cho nhà văn hóa cộng đồng	1.Xã Pa Vệ Sủ (Bản A Mại)	1bộ	30	
-	Trang thiết bị cho nhà văn hóa cộng đồng	2. Xã Bum Nưa (Bản Nậm Cùm)	1 Bộ	30	
-	Trang thiết bị cho nhà văn hóa cộng đồng	3.Xã Nậm Khao (Bản Láng Phiếu, Xám Láng)	2 Bộ	60	

STT	Dự án, tiểu dự án/Đơn vị thực hiện	Địa điểm đầu tư	Quy mô	Kinh phí phân bổ năm 2022	Đơn vị thực hiện (Chủ đầu tư)
-	Trang thiết bị cho nhà văn hóa cộng đồng	4. Xã Can Hồ (Bản Si Thầu Chái, Seo Hai)	2 Bộ	60	
-	Trang thiết bị cho nhà văn hóa cộng đồng	5. Xã Vàng Sơn (Bản Nậm Suồng, Sang Sui, Nậm Sê)	3 Bộ	90	
b	Phục dựng Lễ hội truyền thống dân tộc			375	Phòng Văn hoá -TT
-	Khôi phục tết Lúa mới dân tộc Cống	- Bản Láng phiêu, xã Nậm Khao	1 lễ hội	125	
-	Khôi phục tết cổ truyền dân tộc Si La	- Xã Can Hồ	1 lễ hội	125	
-	Khôi phục tết cổ truyền dân tộc Màng	- Xã Vàng Sơn	1 lễ hội	125	
c	Thành Lập duy trì hoạt động đội văn nghệ bản		9 bản	180	
-	Xã Pa Vệ Sủ	1. Xã Pa vệ Sủ (Bản A Mại)	1 đội	20	UBND xã Pa Vệ Sủ
-	Xã Bum Nưa	2. Xã Bum Nưa (Bản Nậm Cùm)	1 đội	20	UBND xã Bum Nưa
-	Xã Vàng Sơn	3. Xã Vàng Sơn (Bản Nậm Suồng, Sang sui, Nậm Sê)	3 đội	60	UBND xã Vàng Sơn
-	Xã Can Hồ	4. Xã Can Hồ (Bản Si Thầu Chái, Seo Hai)	2 đội	40	UBND xã Can Hồ
-	Xã Nậm Khao	5. Xã Nậm Khao (Bản Láng Phiêu, Xám Láng)	2 đội	40	UBND xã Nậm Khao
d	Khôi phục và bảo tồn trang phục dân tộc			548	Phòng Văn hoá -TT
-	Khôi phục và bảo tồn trang phục dân tộc Cống	Xã Nậm Khao	1 lớp	183	
-	Khôi phục và bảo tồn trang phục dân tộc Si La	Xã Can Hồ	1 lớp	183	
-	Khôi phục và bảo tồn trang phục dân tộc Màng	Xã Vàng Sơn	1 lớp	182	
e	Tổ chức truyền dạy Văn hóa truyền thống tiêu biểu			423	Phòng Văn hoá -TT
-	Truyền dạy dân Ca, dân Vũ dân tộc Cống	Xã Nậm Khao	1 lớp	141	
-	Truyền dạy dân Ca, dân Vũ dân tộc Màng	Xã Vàng Sơn	1 lớp	141	
-	Truyền dạy dân Ca, dân Vũ dân tộc Si La	Xã Can Hồ	1 lớp	141	
1.3	Nội dung 4: Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù			2.110	
-	Hỗ trợ bà mẹ mang thai, trẻ em dưới 5 tuổi, các dịch vụ hỗ trợ khác	Tại các xã, bản có dân tộc khó khăn đặc thù (Cống, Màng, Si La)		2.110	Phòng Y Tế
2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			102	
a	Công tác truyền thông	Tại các xã		42	
-	Thị Trấn			3	UBND Thị Trấn
-	Xã Bum Nưa			3	UBND Bum Nưa
-	Xã Vàng Sơn			3	UBND Vàng Sơn
-	Xã Nậm Khao			3	UBND Nậm Khao
-	Xã Mường Tè			3	UBND Mường Tè
-	Xã Can Hồ			3	UBND Can Hồ
-	Xã Pa Vệ Sủ			3	UBND Pa Vệ Sủ
-	Xã Pa Ú			3	UBND Pa Ú
-	Xã Bum Tờ			3	UBND Bum Tờ
-	Xã Tá Bạ			3	UBND Tá Bạ
-	Xã Ka Láng			3	UBND Ka Láng

STT	Dự án, tiểu dự án/Đơn vị thực hiện	Địa điểm đầu tư	Quy mô	Kinh phí phân bổ năm 2022	Đơn vị thực hiện (Chủ đầu tư)
-	Xã Thu Lũm			3	UBND Thu Lũm
-	Xã Mù Cà			3	UBND Mù Cà
-	Xã Tà Tông			3	UBND Tà Tông
b	Hội nghị tập huấn kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan đến hôn nhân và gia đình	Tại các xã có tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết cao		45	Phòng Tư Pháp
c	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách			15	Phòng Dân Tộc
VIII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			215	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030			145	
	ND 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người uy tín	Tham quan học tập kinh nghiệm	01 đoàn	55	Phòng Dân Tộc
	ND2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS (Biên soạn, phát hành tài liệu tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện)			50	Phòng Tư Pháp
	ND3: Truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH cho vùng đồng bào DTTS&MN			40	Trung tâm VH, TT và Truyền thông
2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình			70	
-	Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tổ chức thực hiện Chính sách			70	Phòng Dân Tộc



PHỤ LỤC II.2.1

BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 DỰ ÁN 1 - NỘI DUNG 4: HỖ TRỢ NƯỚC SINH HOẠT TẬP TRUNG

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND, ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	5		6	7	8	9
TỔNG CỘNG					5.811	5.811	4.433	
1	Nước sinh hoạt bản Huổi Han, xã Bum Tờ, huyện Mường Tè	Xã Bum Tờ	2022-2024	1680-05/8/2022	2.905	2.905	2.250	
2	Nâng cấp, sửa chữa NSH các bản Nặm Cầu, Tả Phìn, xã Bum Tờ, huyện Mường Tè	Xã Bum Tờ	2022-2024	1681-05/8/2022	2.906	2.906	2.183	



PHỤ LỤC II.2.2

**BIỂU PHÂN ĐỒ CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 DỰ ÁN 2:
QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT**

(Kèm theo Nghị quyết số: 08/NQ-HĐND, ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
1	2	3	5	6	7=8+9	8	10	11	
TỔNG CỘNG					25.400	19.428	3.654		
1	Sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới bản A Chè, xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	Xã Thu Lũm	2022-2024	1696-08/8/2022	5.900	4.634	1.000	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai bản Chà Di, xã Bum Tở huyện Mường Tè	Xã Bum Tở	2022-2024	1716-12/8/2022	19.500	14.794	2.654	nt	



PHỤ LỤC II.2.3

BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 TIÊU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 4

NỘI DUNG 1: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG CHO CÁC XÃ, THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN (VỐN ĐẦU TƯ)

(Kèm theo Nghị quyết số: 18/NQ-HĐND, ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSTW
1	2	3	5	6	7	8	9		
TỔNG CỘNG (I+II)					48.140	43.800	35.703		
I	Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết				48.140	43.800	23.503		
1	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ các bản Còng Khà, Ló Na, Gò Khà, U Ma xã Thu Lũm	Xã Thu Lũm	2022-2024	1677-05/8/2022	5.500	5.500	2.900	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Mù Cà	Xã Mù Cà	2022-2024	1676-05/8/2022	5.100	5.100	2.700	nt	
3	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Pa Ủ	Xã Pa Ủ	2022-2024	1674-05/8/2022	5.800	5.800	3.100	nt	
4	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Pa Vệ Sủ	Xã Pa Vệ Sủ	2022-2024	1679-05/8/2022	6.800	6.800	3.600	nt	
5	Đường giao thông đến bản A Mé	Xã Tả Tổng	2022-2024	1697-08/8/2022	5.300	5.300	2.800	nt	
6	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Bum Tở	Xã Bum Tở	2022-2024	1675-05/8/2022	5.200	5.200	2.800	nt	
7	Đường đến điểm ĐCĐC Suối Voi	Xã Can Hồ	2022-2024	1695-08/8/2022	8.340	4.000	2.303	nt	
8	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Vàng San	Xã Vàng San	2022-2024	1669-05/8/2022	6.100	6.100	3.300	nt	
II	Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết sau						12.200		

Lồng ghép vốn NS huyện



PHỤ LỤC II.2.4

BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 TIỂU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 5: ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG, CÙNG CỘ PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ, TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ, TRƯỜNG PTDT CÓ HỌC SINH Ở BÁN TRÚ VÀ XÓA MÙ CHỮ CHO NGƯỜI DÂN VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSTW
1	2	3	4		6	7	8	9	
	TỔNG CỘNG				5.923	5.923	3.642		
1	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH& THCS Bum Tờ	Xã Bum Tờ	2022-2024	1690-05/8/2022	2.763	2.763	1.700	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Tà Tổng	Xã Tà Tổng	2022-2024	1661-05/8/2022	3.160	3.160	1.942	nt	



PHỤ LỤC II.2.5

BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 TIÊU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 9

TIÊU DỰ ÁN 1: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, NÂNG CẤP, CẢI TẠO CƠ SỞ HẠ TẦNG CÁC THÔN TẬP TRUNG ĐỒNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ CÓ KHÓ KHĂN ĐẶC THÙ

(Kèm theo Nghị quyết số: *08* /NQ-HĐND, ngày *22* tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng


STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSTW
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>5=3+4</i>		<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	
1	TỔNG CỘNG (I+II)				22.400	22.400	16.066		
I	Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết				22.400	22.400	8.586		
1	Nâng cấp đường giao thông đến bản A Mại xã Pa Vệ Sủ	Pa Vệ Sủ	2022-2024	1695-05/8/2022	2.700	2.700	1.300	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Sửa chữa thủy lợi Huổi Ngô, xã Can Hồ	Xã Can Hồ	2022-2024	1668-05/8/2022	1.600	1.600	800	nt	
3	Sửa chữa thủy lợi Huổi Cơm, xã Can Hồ	Xã Can Hồ	2022-2024	1667-05/8/2022	1.600	1.600	800	nt	
4	Kè bảo vệ khu dân cư bản Nậm Cùm	xã Bum Nưa	2022-2024	1665-05/8/2022	13.500	13.500	4.186	nt	
5	Kè bảo vệ mặt bằng cho khu dân cư, trường học bản Lắng Phiếu	xã Nậm Khao	2022-2024	1689-05/8/2022	3.000	3.000	1.500	nt	
II	Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết sau						7.480		



PHỤ LỤC III
BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ KẾ HOẠCH NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG - HUYỆN MƯỜNG TÈ

(Kèm theo Nghị quyết số: **08/NQ-HĐND** ngày **22** tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

STT	Dự án, tiểu dự án/Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	78.099	
I	Dự án 1	71.116	
1	Vốn đầu tư	69.103	Phụ lục III.2
	Vốn phân bổ chi tiết	45.808	
	Vốn chưa phân bổ chi tiết	23.295	
2	Vốn sự nghiệp	2.013	Phụ lục III.1
	Vốn phân bổ chi tiết	2.013	
II	Dự án 2	3.425	
1	Vốn đầu tư	-	
2	Vốn sự nghiệp	3.425	Phụ lục III.1
	Vốn phân bổ chi tiết	3.425	
III	Dự án 3	1.495	
III.1	Tiểu dự án 1	1.495	-
1	Vốn đầu tư	-	
2	Vốn sự nghiệp	1.495	Phụ lục III.1
	Vốn phân bổ chi tiết	1.495	
IV	Dự án 4	1.398	
IV.1	Tiểu dự án 1	982	-
1	Vốn đầu tư	-	
2	Vốn sự nghiệp	982	Phụ lục III.1
	Vốn phân bổ chi tiết	982	
IV.2	Tiểu dự án 2	264	
1	Vốn đầu tư	-	
2	Vốn sự nghiệp	264	Phụ lục III.1
	Vốn phân bổ chi tiết	264	
IV.3	Tiểu dự án 3	152	
1	Vốn đầu tư	-	
2	Vốn sự nghiệp	152	Phụ lục III.1
	Vốn phân bổ chi tiết	152	
V	Dự án 6	58	
V.1	Tiểu dự án 1	-	
V.2	Tiểu dự án 2	58	
1	Vốn đầu tư	-	
2	Vốn sự nghiệp	58	Phụ lục III.1
	Vốn phân bổ chi tiết	58	
VI	Dự án 7	607	
VI.1	Tiểu dự án 1	440	
1	Vốn đầu tư	-	
2	Vốn sự nghiệp	440	Phụ lục III.1
	Vốn phân bổ chi tiết	440	
VI.2	Tiểu dự án 2	167	



STT	Dự án, tiêu đề dự án/Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
1	Vốn đầu tư		
2	Vốn sự nghiệp	167	Phụ lục III.1
	Vốn phân bổ chi tiết	167	

PHỤ LỤC III.1
BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO
BẾN YŨNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: **NQ-HĐND**, ngày **29** tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)
 ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chương trình	Địa điểm đầu tư	Quy mô	Kinh phí phân bổ năm 2022	Đơn vị thực hiện (Chủ đầu tư)
TỔNG CỘNG				8.996	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo			2.013	
	<i>Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư</i>			2.013	
	Xã Can Hồ	Xã Can Hồ		270	UBND xã Can Hồ
	Xã Nậm Khao	Xã Nậm Khao		240	UBND Xã Nậm Khao
	Xã Bum Tờ	Xã Bum Tờ		270	UBND Xã Bum Tờ
	Xã Pa Ủ	Xã Pa Ủ		270	UBND Xã Pa Ủ
	Xã Thu Lùm	Xã Thu Lùm		240	UBND Xã Thu Lùm
	Xã Vàng San	Xã Vàng San		270	UBND Xã Vàng San
	Xã Mường Tè	Xã Mường Tè		240	UBND Xã Mường Tè
	Xã Bum Nưa	Xã Bum Nưa		213	UBND xã Bum Nưa
II	Dự án 2: Đa dạng kế, phát triển mô hình giảm nghèo			3.425	
1	Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo (Các mô hình trồng cây dược liệu, chăn nuôi gia súc...)			1.425	Phòng LĐ-TBXH
2	Dự án hỗ trợ đa dạng sinh kế			2.000	
a	Dự án hỗ trợ chăn nuôi gia súc			1.600	
-	<i>Xã Pa Vệ Sủ</i>			400	UBND xã Pa Vệ Sủ
-	<i>Xã Bum Tờ</i>			400	UBND xã Bum Tờ
-	<i>Xã Pa Ủ</i>			400	UBND xã Pa Ủ
-	<i>Xã Tà Tổng</i>			400	UBND xã Tà Tổng
b	Dự án hỗ trợ trồng dược liệu			400	
-	<i>Xã Tá Bạ</i>			400	UBND xã Tá Bạ
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng			1.495	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp			1.495	
-	Dự án hỗ trợ chăn nuôi gia súc			1.495	
	+ Xã Bum Nưa			295	UBND xã Bum Nưa
	+ Xã Nậm Khao			400	UBND xã Nậm Khao
	+ Xã Thu Lùm			500	UBND xã Thu Lùm
	+ Xã Mường Tè			300	UBND xã Mường Tè
IV	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững			1.398	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn			982	
-	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp	Các xã, thị trấn	08 lớp	982	Trung tâm GDNN-GDTX
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng			264	
-	Dự án hỗ trợ lao động tham gia đào tạo, bồi dưỡng; tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (Bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu, chi phí khám sức khoẻ, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp..		18 đối tượng	264	Phòng LĐ-TBXH
3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững			152	
-	Dự án quản lý lao động gắn với dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; thu thập phân tích, dự báo thị trường cung- cầu lao động	Các xã, thị trấn		152	Phòng LĐ-TBXH
V	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin			58	
1	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều			58	
-	Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (Thông tin, tuyên truyền... đến các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao)			58	Trung tâm VH TT và TT
VI	Dự án 7: Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá chương trình			607	
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình			440	



STT	Nội dung chương trình	Địa điểm đầu tư	Quy mô	Kinh phí phân bổ năm 2022	Đơn vị thực hiện (Chủ đầu tư)
-	Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình			440	Phòng LĐ-TBXH
2	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>			167	
-	Giám sát, đánh giá			167	Phòng LĐ-TBXH



PHỤ LỤC III.2

BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 08/NQ-HĐND, ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
TỔNG CỘNG (I + II)					143.797	141.797	69.103		
I	Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết				143.797	141.797	45.808		
1	Nâng cấp đường giao thông Ló Mé, Lè Giảng, Là Pê 1,2; trung tâm xã Tá Pạ	H. Mương Tè	2022-2024	1717-12/8/2022	20.000	20.000	8.000	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Cấp điện nông thôn đến các bản Các xã Tà Tổng (A Mé); Pa Vệ Sừ (Chà Gá, Sín Chải C); Mù Cà (Mò Su); Tá Pạ (Là Si; Vạ Pù)	H. Mương Tè	2022-2025	1684-05/8/2022	35.000	35.000	9.612	nt	
3	Đường giao thông liên vùng từ bản Mo Chi - bản Cờ Lò, xã Pa Ủ - bản Nậm Phìn, xã Nậm Khao, huyện Mương Tè.	H. Mương Tè	2022-2024	1718-12/8/2022	35.000	35.000	9.613	nt	
4	Kiên cố thủy lợi Na Cai Bằng bản Giảng, xã Mương Tè	Xã Mương Tè	2022-2024	1666-05/8/2022	4.556	4.556	1.823	nt	
5	Thủy lợi Lọng Co Cu + Huổi Y Lin xã Mương Tè	xã Mương Tè	2022-2024	1678-05/8/2022	4.000	4.000	1.600	nt	
6	Thủy lợi Cư Phu Á Te bản Thu Lùm I xã Thu lùm	Xã Thu Lùm	2022-2024	1671-05/8/2022	5.400	5.400	2.160	nt	
7	Kiên cố thủy lợi Nà Cầu, xã Mương Tè	Xã Mương Tè	2022-2024	1673-05/8/2022	5.000	5.000	2.000	nt	
8	Nhà lớp học bộ môn trường THCS xã Mương Tè, huyện Mương Tè	xã Mương Tè	2022-2024	1686-05/8/2022	4.500	2.500	1.800	nt	LG NSDP
9	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia bản (A Chè, Suối Voi, Nậm Phìn, Cờ Lò) thuộc các xã, huyện Mương Tè	các xã H. Mương Tè	2022-2025	1683-05/8/2022	24.841	24.841	7.000	nt	
10	Thủy lợi Xé Giá bản Pa Thắng	Xã Thu Lùm	2022-2024	1670-05/8/2022	4.000	4.000	1.600	nt	
11	Nâng cấp thủy lợi Na Mừn bản Nậm Cùm xã Mương Tè	xã Mương Tè	2022-2024	1672-05/8/2022	1.500	1.500	600	nt	
II	Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết sau						23.295		



PHỤ LỤC IV
BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ KẾ HOẠCH NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTOG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI - HUYỆN MUÔNG TÈ

(Kèm theo Nghị quyết số: **08/NQ-HĐND** ngày **22** tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (I+II)	20.987	
I	Vốn đầu tư	19.772	Phụ lục IV.2
	Vốn phân bổ chi tiết	800	
	Vốn chưa phân bổ chi tiết	18.972	
II	Vốn sự nghiệp	1.215	Phụ lục IV.1
	Vốn phân bổ chi tiết	1.215	

PHỤ LỤC IV.1
BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY
DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: **08** **NQ-HĐND**, ngày **22** tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án, tiểu dự án/Đơn vị thực hiện	Địa điểm đầu tư	Quy mô	Kinh phí phân bổ năm 2022	Đơn vị thực hiện (Chủ đầu tư)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG			1.215		
1	Kinh phí hoạt động quản lý Chương trình			150		
*	Cấp huyện			20		
-	Phòng Nông nghiệp & PTNT			20	Phòng Nông nghiệp & PTNT	
*	Cấp Xã			130		
-	Xã Bum Nưa			10	UBND xã Bum Nưa	
-	Xã Vàng San			10	UBND xã Vàng San	
-	Xã Nậm Khao			10	UBND xã Nậm Khao	
-	Xã Mường Tè			10	UBND xã Mường Tè	
-	Xã Can Hồ			10	UBND xã Can Hồ	
-	Xã Pa Vệ Sù			10	UBND xã Pa Vệ Sù	
-	Xã Pa Ủ			10	UBND xã Pa Ủ	
-	Xã Bum Tờ			10	UBND xã Bum Tờ	
-	Xã Tá Bạ			10	UBND xã Tá Bạ	
-	Xã Ka Lăng			10	UBND xã Ka Lăng	
-	Xã Thu Lũm			10	UBND xã Thu Lũm	
-	Xã Mù Cà			10	UBND xã Mù Cà	
-	Xã Tà Tổng			10	UBND xã Tà Tổng	
2	Quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới. (Các xã: Bum Nưa, Mường Tè, Thu Lũm)			669		
	Xã Bum Nưa			222	UBND xã Bum Nưa	
	Xã Mường Tè			225	UBND xã Mường Tè	
	Xã Thu Lũm			222	UBND xã Thu Lũm	
3	Vệ sinh môi trường nông thôn			396		
-	Xã Bum Nưa			132	UBND xã Bum Nưa	
-	Xã Mường Tè			132	UBND xã Mường Tè	
-	Xã Thu Lũm			132	UBND xã Thu Lũm	



PHỤ LỤC IV.2

BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN ĐẦU NĂM 2022 TỰ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND, ngày 28 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021, 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
	TỔNG CỘNG (I+II)				1.000	950	19.772		
I	Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết				1.000	950	800		
1	Sửa chữa, nâng cấp phòng lớp học, nhà công vụ và phụ trợ khác các điểm trường mầm non các bản, xã Nậm Khao	Nậm Khao	2022-2023	1691-05/8/2022	1.000	950	800	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	LG vốn huy động
II	Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết sau						18.972		